

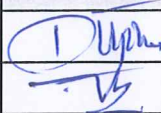
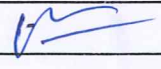
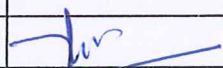
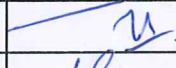
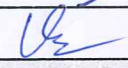
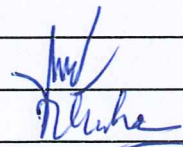
**DANH SÁCH CỔ VẤN HỌC TẬP TOÀN TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025 - 2026**

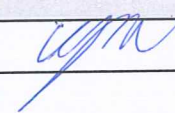
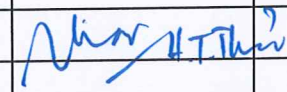
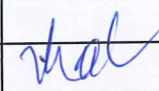
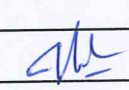
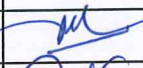
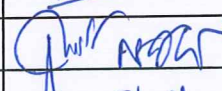
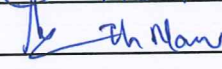
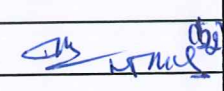
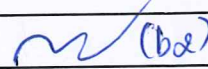
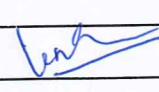
Nội dung: Hợp góp ý Quy chế CVHT 2026

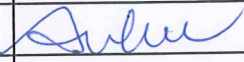
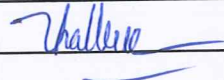
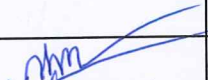
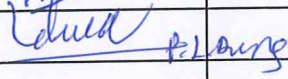
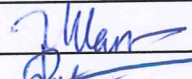
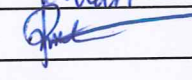
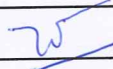
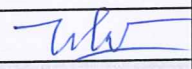
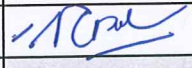
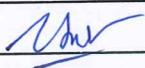
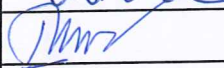
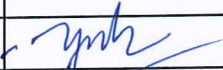
Thời gian: - Buổi 1: Thứ năm ngày 13/08/2026 từ 13h30 - 16h30, phòng 606 - cơ sở Nguyễn Văn Tráng

- Buổi 2: Thứ sáu ngày 14/08/2026 từ 8h30 - 11h30, phòng 302 - cơ sở Thành Thái

(danh sách CVHT tính đến HK Hè 25-26)

STT	Khoa/Năm (HK 2534)	Tổng SV	Buổi 1 (Ký tên)	Buổi 2 (Ký tên)	Ghi chú
	Công nghệ	714			
1	Đặng Thanh Linh Phú	61	I		
2	Dương Tổ Hương	98			
3	Nguyễn Bá Trung	71			
4	Nguyễn Ngọc Tú	8			
5	Nguyễn Phụng Hoàng	76			
6	Nguyễn Thị Thanh Tâm	7			
7	Nguyễn Thị Thu Dự	73			
8	Nguyễn Văn Sơn	27			
9	Phạm Thị Kim Ngôn	53			
10	Phan Đình Thế Huân	2			
11	Phan Hồng Trung	30			
12	Trần Thị Trường Thi	83			
13	Võ Thị Thu Hà	75			
14	Vũ Đình Khôi	50			
	Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn	985			
1	Đậu Thị Ngọc Phụng	38			
2	Đinh Vạn Ngọc Hà	42			
3	Lê Âu Ngân Anh	88			
4	Lê Minh Phương	32			
5	Lê Ngọc Quỳnh Như	13			
6	Lê Nguyễn Tường Vy	249			
7	Nguyễn Thành Nam	33			
8	Nguyễn Thị Trung Trinh	112			
9	Nguyễn Thiên Trường	181			
10	Trần Ngọc Tiến	116			
11	Trần Việt Vương	42			
12	Võ Thị Thu Hà	39			

STT	Khoa/Năm (HK 2534)	Tổng SV	Buổi 1 (Ký tên)	Buổi 2 (Ký tên)	Ghi chú
	Kinh doanh	1,563			
1	Bùi Phương Uyên	24			
2	Bùi Thị Vân Quỳnh	25			
3	Bùi Yến Ngọc	3			
4	Châu Tấn Lực	2			
5	Đặng Hoàng Minh Quân	36			
6	Đào Thanh Trúc	42			
7	Đinh Thanh Lan	20			
8	Đinh Thị Lợi	114			
9	Đinh Thị Thúy Hằng	45			
10	Hồ Công Hưởng	37			
11	Hồ Trung Thảo	73			
12	La Hoàng Lâm	51			
13	Lê Hồng Nam	66			
14	Lê Hữu Đức	50			
15	Lê Ngọc Đức	122			
16	Lê Tấn Lộc	28			
17	Lê Thị Bích Thảo	55			
18	Lê Trần Tuấn Anh	1			
19	Mai Thị Thùy Trang	22			
20	Nghiêm Tấn Phong	29			
21	Ngô Kiều Khanh	75			
22	Nguyễn Minh Cao Hoàng	24			
23	Nguyễn Minh Triết	43			
24	Nguyễn Ngọc Uyên	18			
25	Nguyễn Quốc Sĩ	90			
26	Nguyễn Thanh Nam	134			
27	Nguyễn Thanh Vân	27			
28	Nguyễn Thị Bê	44			
29	Nguyễn Tường Minh	33			
30	Phạm Nhật Bảo Quyên	14			
31	Phan Danh Na	42			
32	Phan Trần Minh Hưng	18			
33	Phùng Thế Vinh	37			
34	Trần Duy Nghiêm Luật	38			
35	Trần Thị Hoàng Phượng	17			

STT	Khoa/Năm (HK 2534)	Tổng SV	Buổi 1 (Ký tên)	Buổi 2 (Ký tên)	Ghi chú
36	Trần Thị Hoàng Vi	29			
37	Trần Thị Út	34			
	Logistics - Thương mại quốc tế	1,292			
1	Bạch Xuân Quang	115			
2	Châu Thị Kiều Phương	84			
3	Đặng Công Tiên	78			
4	Đặng Huỳnh Anh Duy	48			
5	Đỗ Thị Bích Ngọc	53			
6	Lâm Quốc Dũng	100			
7	Lê Đức Nhã	90			
8	Lê Trần Thanh Trúc	77			
9	Ngô Đình Đệ	60			
10	Ngô Minh Trà	107			
11	Nguyễn Phương Hoàng	31			
12	Nguyễn Tiến Thịnh	108			
13	Phạm Lê Dung	77			
14	Phạm Ngọc Ánh	1			
15	Phạm Thị Thanh Tâm	98			
16	Phạm Văn Minh	72			
17	Tô Thị Tú Trang	78			
18	Trần Thị Trúc Lan	15			
	Luật	253			
1	Nguyễn Huỳnh Hiệp	23			
2	Nguyễn Thị Kim Hương	87			
3	Phạm Bá Thiên	79			
4	Trần Ngọc Nhã Trân	64			
	Marketing - Truyền thông	2,067			
1	Biện Thị Thanh Mai	1			
2	Đặng Trương Thùy Anh	25			
3	Đinh Như Ý	21			
4	Đỗ Huỳnh Lâm Thịnh	174			
5	Đỗ Trọng Danh	121			
6	Đoàn Tuấn Đức	53			
7	Dư Trần Ý Nhi	90			
8	Dương Định Quốc	33			
9	Dương Thị Vân Anh	36			

STT	Khoa/Năm (HK 2534)	Tổng SV	Buổi 1 (Ký tên)	Buổi 2 (Ký tên)	Ghi chú
10	Hà Đình Tùng	90			
11	Hoàng Thanh Thanh	113			
12	Hồng Quý	95			
13	Huỳnh Thị Thanh Thúy	119			
14	Huỳnh Thị Thùy Dương	28			
15	Lê Anh Chung	32			
16	Lê Vũ Phương Thủy	84			
17	Lý Thị Mỹ Hạnh	78			
18	Mai Quyết Thắng	140			
19	Nguyễn Minh Trường	95			
20	Nguyễn Phan Phương Uyên	19			
21	Nguyễn Thành Lữ	105			
22	Nguyễn Thị Anh Thư	28			
23	Nguyễn Thị Minh Tuyết	5			
24	Phạm Tấn Thông	36			
25	Phạm Thu Hằng	54			
26	Trần Ngọc Quỳnh	66			
27	Trần Phương Bảo Uyên	30			
28	Trần Thị Mỹ Hạnh	120			
29	Trương Quang Cẩm	103			
30	Trương Quang Vinh	73			
	Ngôn ngữ - Tâm lý	1,207			
1	Biện Thị Thanh Mai	112			
2	Bùi Thị Hòa	94			
3	Bùi Yến Ngọc	64			
4	Du Quế Tiên	66			
5	Lê Thị Khuyên	114			
6	Lý Hồng Dung	60			
7	Ngô Thị Thanh Thanh	101			
8	Nguyễn Hoàng Mỹ Duyên	17			
9	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	14			
10	Nguyễn Thị Thanh Phương	68			
11	Nguyễn Văn Chương	38			
12	Tạ Thị Ngọc Vân	88			
13	Trần Ngọc Dung	78			
14	Trần Nhật Linh Chi	85			

Phạm Minh Hùng

Phạm Minh Hùng

STT	Khoa/Năm (HK 2534)	Tổng SV	Buổi 1 (Ký tên)	Buổi 2 (Ký tên)	Ghi chú
15	Trần Văn Dương	49			
16	Võ Thị Kiều Loan	56			
17	Võ Thị Tâm Phúc	103		<i>Phúc</i>	
	Thiết kế - Nghệ thuật	1,073			
1	Biện Xuân Trường	112		<i>Trường</i>	
2	Bùi Ngọc Thùy Trang	28			
3	Đinh Thị Hải Yến	33			
4	Dương Ngọc Quỳnh Lâm	74			
5	Hà Thị Hoài Thu	61	<i>Thu</i>		
6	Hoàng Lê Thiên Hương	4			
7	Hoàng Trần Sơn Hải	113			
8	La Thị Tuyết Mai	46			
9	Lê Minh Thành	37			
10	Lê Xuân Giang	94			
11	Nguyễn Dương Quỳnh Anh	23			
12	Nguyễn Phước Thiện	28			
13	Nguyễn Thị Điệp	57			
14	Nguyễn Thị Lan Trúc	58			
15	Nguyễn Thị Thương Thương	28	<i>Thương</i>		
16	Nguyễn Thị Thúy Hà	1			
17	Phạm Hồng Vân	24			
18	Quách Đăng Tuấn Nghĩa	112			
19	Trần Minh Nhựt	30			
20	Trịnh Tuấn Dũng	108			
	Tổng cộng	9,154			
1	Vũ Uyên Vy		<i>Vy</i>	<i>Vy</i>	
2	Văn Tôn Văn		<i>Văn</i>	<i>B2</i>	
3	Trần Văn Long		<i>Long</i>	<i>B2</i>	
4	Lê Hồ Ngân		<i>Ngân</i>	<i>Ngân</i>	
5	Hương Trĩ Uyên		<i>Uyên</i>	<i>B2</i>	
6	Nguyễn Thế Khang		<i>Khang</i>		
7	Phạm Thị Thanh Tâm		<i>Tâm</i>		
8	Ngô Hòa Hải			<i>Hải</i>	(đã ký đến)
9					
10					
11					

Trưởng Phòng Đào tạo Đại học

Nguyễn Tiến Lập

Người lập bảng

Huỳnh Thị Phi Ánh